

CHÍNH PHỦ

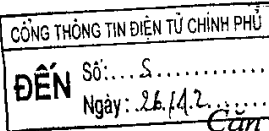
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”
trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ**



Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam làm việc trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ, hiểu biết sâu sắc nghề, truyền dạy và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ.
2. Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú

Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được nhận Huy hiệu, Giấy chứng nhận của Chủ tịch nước và tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân” hoặc “Nghệ nhân Ưu tú” theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tích cực giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề; không ngừng hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo nghề.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” để thực hiện các hoạt động sau:

a) Xây dựng, triển khai Kế hoạch của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng;

c) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp;

d) Tổ chức các phiên họp Hội đồng;

đ) Công bố thông tin về kết quả xét chọn của Hội đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

e) Hợp báo công bố Quyết định phong tặng của Chủ tịch nước;

g) Tổ chức lễ trao tặng;

h) Các hoạt động khác liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” và tiền thưởng kèm theo danh hiệu:

a) Bộ Công Thương có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước, tổ chức lễ trao tặng và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng cấp tỉnh, tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”

Danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng.

3. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước, cụ thể:

a) Nắm giữ kỹ năng, bí quyết; truyền nghề, dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề đặc thù hoặc đã đào tạo 01 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú”;

b) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú”, Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật, đạt giải thưởng hoặc được tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp chứng nhận đạt thành tích tại các cuộc thi, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế được Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức.

4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên.

Điều 6. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú”

Danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương, cụ thể:

a) Nắm giữ kỹ năng, bí quyết; truyền nghề, dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề đặc thù;

b) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 sản phẩm, tác phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao.

3. Đã có tác phẩm, sản phẩm đạt một trong các tiêu chí sau:

a) Được giải thưởng hoặc được tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp chứng nhận đạt thành tích tại các cuộc thi, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế được Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức;

b) Được chọn trưng bày trong các bảo tàng, công trình văn hóa, di tích lịch sử hoặc các sự kiện lớn của đất nước;

c) Được chọn làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy tại các trường mỹ thuật hoặc dạy nghề;

d) Được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử, văn hoá được chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử, văn hóa xác nhận.

4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên.

Chương III
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
“NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”

Điều 7. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” được thành lập từng đợt theo 3 cấp:

- a) Hội đồng cấp tỉnh;
- b) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;
- c) Hội đồng cấp Nhà nước.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” có nhiệm vụ:

- a) Tổ chức việc xét tặng bảo đảm đúng quy định tại Nghị định này;
- b) Công bố kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ xét tặng, trình Hội đồng có thẩm quyền;
- d) Xem xét, giải quyết các kiến nghị liên quan tới việc xét tặng.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” làm việc theo nguyên tắc:

a) Dân chủ, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Cuộc họp của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” được tổ chức khi có ít nhất 75% thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Tổ thư ký có trách nhiệm lấy ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt bằng Phiếu bầu Mẫu số 5, số 6 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh trình; không xét các hồ sơ không đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Hội đồng cấp tỉnh trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình Hội đồng cấp Nhà nước, Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ danh sách cá nhân đạt từ 90% số phiếu thành viên đồng ý trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng;

đ) Thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” không là đối tượng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”;

e) Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

4. Thành phần Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng cùng cấp; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; một số Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú và nhà khoa học có uy tín, am hiểu chuyên sâu về nghề thủ công mỹ nghệ liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” quyết định thành lập Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 8. Hội đồng cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp tỉnh gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Công Thương;
- c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh là Sở Công Thương. Hội đồng cấp tỉnh sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Công Thương;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Công Thương;
- c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ là Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Công Thương. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ sử dụng con dấu của Bộ Công Thương.

Điều 10. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp Nhà nước gồm: